

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HS - ST

Ngày: 17 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phúc Ân, bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Đức - K sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại nhà văn hóa khu dân cư L, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 123/2020/TLST- HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vương Thị K**, sinh năm 1968 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Tổ 5, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; con ông Vương Đình P và bà Nguyễn Thị M; gia đình có 09 anh em, bị cáo là con thứ ba; tiền sự: Không; có 01 tiền án: Bản án số 17/2010/HSST ngày 15/4/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 16/02/2017 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 06/11/2017, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 30/8/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 30/12/2010 đến ngày 24/02/2011 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại: Chị Mạc Thu T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Số nhà 135, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 30/12/2010, Vương Thị K đi xe bus từ thị trấn M, huyện Đ (nay là phường M, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ninh đến phường S, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương với mục đích xem có ai có tài sản sơ sỏ thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài. Sau khi xuống xe bus, K đi vào trung tâm chợ S. Khoảng 08 giờ cùng ngày, khi K đi đến một hàng bán quất thì thấy chị Mạc Thu T đang ngồi mua quất. Thấy túi áo khoác bên phải của chị T thò ra chiếc dây điện thoại, K ngồi xuống sát về phía bên phải chị T và bảo người bán quất bán cho 2.000 đồng tiền quất. Lợi dụng lúc chị T không để ý, K dùng tay trái thò vào túi áo khoác ngoài của chị T lấy được chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – N81 màu đen trắng cầm ở tay trái rồi bỏ đi. Khi K đi được khoảng 7 đến 10 mét thì bị chị T phát hiện cùng quần chúng nhân dân bắt giữ. Thu giữ trên tay trái của K chiếc điện thoại mà K vừa chiếm đoạt của chị T nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17 ngày 30 tháng 12 năm 2010, của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – N81 màu trắng đen đã qua sử dụng trị giá 3.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 96/CT -VKS - CL ngày 24/11/2020, Viện K sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Vương Thị K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ các hành vi như đã nêu trên, thừa nhận việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với mình là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vương Thị K phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, được trừ 01 tháng 27 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành từ 07 tháng 03 ngày đến 10 tháng 03 ngày tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 06 tháng tù của bản hình sự số 17/2010/HSST ngày 15/4/2010 của Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí), tỉnh Quảng Ninh. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 13 tháng 03 ngày đến 16 tháng 03 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm được đối trừ với số tiền mà bị cáo đã thi hành theo biên lai thu số 04819 ngày 09/9/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện K sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, K sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 30/12/2010, tại trung tâm chợ S thuộc phường S, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương Vương Thị K đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Mạc Thu T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – N81 trị giá 3.000.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội và bức xúc trong nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện có dự mưu từ trước vì mục đích tư lợi. Bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 3.000.000 đồng tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật. Do vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo.

[4] Bị cáo đã bị kết án theo bản án hình sự số 17/2010/HSST ngày 15/4/2010 của Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí), tỉnh Quảng Ninh. Bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án này mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Bị cáo là người có nhân thân xấu, bản thân vừa bị Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí), tỉnh Quảng Ninh kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chỉ trong một thời gian ngắn lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hơn

nữa, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã khai báo gian dối với cơ quan tiến hành tố tụng về tên, tuổi của mình để nhằm giảm nhẹ trách nhiệm dẫn đến việc tại bản án hình sự số 16/2011/HSST ngày 24/3/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương đã kết án bị cáo với tên gọi Vương Thị Hạnh, sinh năm 1966 là chị gái của bị cáo. Nên, tại Quyết định tái thẩm số 37/2020/HS-TT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã phải hủy bản án nêu trên của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương để điều tra lại. Việc làm này của bị cáo đã gây khó khăn, làm kéo dài thời gian xử lý hành vi của bị cáo của các cơ quan tiến hành tố tụng. Nguy hiểm hơn, năm 2017, 2018 bị cáo lại tiếp tục thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng kết án. Điều này thể hiện bị cáo là người có ý thức chấp hành pháp luật rất kém.

[7] Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi một xã hội một thời gian, tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã thực hiện để trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và dân đề, phòng ngừa chung. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2010 đến ngày 24/02/2011 là 01 tháng 27 ngày sẽ được trừ vào thời hạn tù của bị cáo. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian thử thách của án treo của bản án số 17/2010/HSST ngày 15/4/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí), tỉnh Quảng Ninh nên cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 06 tháng tù của bản án này theo khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Sau đó sẽ tổng hợp thành hình phạt chung của 02 bản án buộc bị cáo phải chấp hành.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xử lý, giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền 200.000 đồng bị cáo đã thi hành theo biên lai thu số 04819 ngày 09/9/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh với tên gọi Vương Thị H sẽ được đối trừ cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Vương Thị K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Vương Thị K 10 (Mười) tháng tù, trừ đi

thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 01 (Một) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày, bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày tù.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 06 (Sáu) tháng tù của bản án hình sự số 17/2010/HSST ngày 15/4/2010 của Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí), tỉnh Quảng Ninh.

Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Vương Thị K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền bị cáo đã thi hành là 200.000 đồng theo biên lai số 004819 ngày 09/9/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an thành phố Chí Linh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm